## ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 7

**I. Mục đích yêu cầu:**

**a. Phạm vi kiến thức:** Từ tiết 73 đến tiết 136 theo PPCT (Từ bài 18 đến bài 42).

**b. Mục đích:**

- Giáo viên:

+ Ra đề theo chuẩn KTKN, phù hợp với nhận thức của học sinh.

+ Sau khi kiểm tra phân loại đối tượng học sinh và điều chỉnh được phương pháp giảng dạy.

- Học sinh: Kiểm tra mức độ nhận thức của học sinh theo chương trình giáo dục phổ thông.

## II. Khung ma trận và đặc tả:

**a. Khung ma trận:**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra cuối học kì 2 khi kết thúc nội dung chương X: Sinh sản ở sinh vật.*

**- Thời gian làm bài:** *90 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

+ Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm *(gồm 20 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 8 câu), mỗi câu 0,25 điểm.*

- Phần tự luận: 5,0 điểm *(Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu:1 điểm; Vận dụng: 2 điểm; Vận dụng cao: 1 điểm).*

- Nội dung nửa đầu học kì 2: *25% (2,5 điểm; Chủ đề 1- 2: 26 tiết).*

- Nội dung nửa sau học kì 2: *75% (7,5 điểm; Chủ đề 2-3-4-5: 35tiết).*

***-* Khung ma trận (Chủ đề 1: 26 tiết = 25%. Chủ đề 2,3,4,5 – 35 tiết = 75%) ( Không tính 7 tiết ôn tập + KT)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Tổng điểm**  **(%)** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| **Nội dung 1:**  **Từ bài 18 đến bài 28**  ( 26 tiết- 43%) |  | **4**  **(1 đ)** |  | **2**  **(0,5 đ)** | **1**  **(1 đ)** |  |  |  | **1** | **6** | **2,5**  **25%** |
| **Nội dung 2**:  Từ bài 29 đến bài 32  ( 14 tiết- 23% ) |  | **4**  **(1 đ)** | **1**  **(1 đ)** |  | **1**  **(1 đ)** |  |  |  | **2** | **4** | **3**  **30%** |
| **Nội dung 3:**  Cảm ứng ở sinh vật  ( 4 tiết- 6,5%) |  | **1**  **(0,25 đ)** |  | **3**  **(0,75 đ)** |  |  |  |  |  | **4** | **1**  **10%** |
| **Nội dung 4:**  Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật  ( 7 tiết- 11,5%) |  | **2**  **(0,5 đ)** |  |  |  |  | 1  **(1 đ)** |  | **1** | **2** | **1,5**  **15%** |
| **Nội dung 5:**  Sinh sản ở sinh vật  ( 10 tiết- 16%) | 1  **(1 đ)** | **1**  **(0,25 đ)** |  | **3**  **( 0,75 đ)** |  |  |  |  | **1** | **4** | **2,0**  **20%** |
| **Tổng số ý TL/số câu TN** | 1 | **12** | 1 | **8** | 2 |  | 1 |  | **5** | **20** | **25** |
| **Tổng điểm** | **1,0** | **3,0** | **1** | **2,0** | **2,0** |  | **1,0** |  | **5,0** | **5,0** | **10,0** |
| **4,0** | | **3,0** | | **2,0** | | **1,0** | |  | | **10,0** |
| **% điểm số** | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **50%** | **50%** | **100%** |

**III. BẢN ĐẶC TẢ:**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL | TN | TL | TN |
| **Nội dung 1**  (từ bài 18 đến 28) | **Nhận biết** | - Xác định được cực Bắc và cực Nam của một thanh nam châm. |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm, cấu tạo, tính chất của nam châm. |  | **1** |  | **C1** |
| - Nêu được sự tương tác giữa các từ cực của hai nam châm. |  |  |  |  |
| - Nêu được vùng không gian bao quanh một nam châm (hoặc dây dẫn mang dòng điện), mà vật liệu có tính chất từ đặt trong nó chịu tác dụng lực từ, được gọi là từ trường. |  | **1** |  | **C2** |
| - Nêu được khái niệm từ phổ và tạo được từ phổ bằng mạt sắt và nam châm. |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm đường sức từ và xác định được chiều đường sức từ. |  |  |  |  |
| - Nêu được cực Bắc địa từ và cực Bắc địa lí không trùng nhau. |  |  |  |  |
| - Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng. |  |  |  |  |
| - Nêu được vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể. |  | **1** |  | **C3** |
| - Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp, hô hấp tế bào. |  | **1** |  | **C4** |
| - Nêu được khái niệm về trao đổi khí ở sinh vật. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Mô tả được hiện tượng chứng tỏ nam châm vĩnh cửu có từ tính. |  | **1** |  | **C5** |
| - Mô tả đư­ợc cấu tạo và hoạt động của la bàn. |  | **1** |  | **C6** |
| - Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật; |  |  |  |  |
| - Mô tả đư­ợc cấu tạo và hoạt động của la bàn. |  |  |  |  |
| - Mô tả được một cách tổng quát quá trình quang hợp ở tế bào lá cây: Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp. Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp. Viết được phương trình quang hợp (dạng chữ). Vẽ được sơ đồ diễn tả quang hợp diễn ra ở lá cây, qua đó nêu được quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng. |  |  |  |  |
| - Mô tả được một cách tổng quát quá trình hô hấp ở tế bào (ở thực vật và động vật): Nêu được khái niệm; viết được phương trình hô hấp dạng chữ; thể hiện được hai chiều tổng hợp và phân giải. |  |  |  |  |
| - Sử dụng hình ảnh để mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá. |  |  |  |  |
| - Dựa vào hình vẽ mô tả được cấu tạo của khí khổng, nêu được chức năng của khí khổng. |  |  |  |  |
| - Dựa vào sơ đồ khái quát mô tả được con đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở động vật (ví dụ ở người). |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Tiến hành thí nghiệm để nêu được:  + Tác dụng của nam châm đến các vật liệu khác nhau;  + Sự định hướng của thanh nam châm (kim nam châm). |  |  |  |  |
| - Sử dụng la bàn để tìm được hướng địa lí. |  |  |  |  |
| - Vẽ được đường sức từ quanh một thanh nam châm. |  |  |  |  |
| - Chế tạo được nam châm điện đơn giản và làm thay đổi được từ trường của nó bằng thay đổi dòng điện. |  |  |  |  |
| - Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh. | **1** |  | **C21** |  |
| - Nêu được một số vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt cần phơi khô,...). |  |  |  |  |
| - Tiến hành được thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá. |  |  |  |  |
| - Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn (ví dụ giải thích việc tưới nước và bón phân hợp lí cho cây). |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Thiết kế và chế tạo được sản phẩm đơn giản ứng dụng nam châm điện (như xe thu gom đinh sắt, xe cần cẩu dùng nam châm điện, máy sưởi mini, …) |  |  |  |  |
| - Tiến hành được thí nghiệm chứng minh quang hợp ở cây xanh. |  |  |  |  |
|  | - Tiến hành được thí nghiệm về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt. |  |  |  |  |
|  | - Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở động vật vào thực tiễn (ví dụ về dinh dưỡng và vệ sinh ăn uống, ...). |  |  |  |  |
| **Nội dung 2** (từ bài 29 đến 32) | **Nhận biết** | - Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật. |  | **2** |  | **C7,8** |
| - Nêu được vai trò thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng trong quá trình thoát hơi nước. |  | **1** |  | **C9** |
| - Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật. |  | **1** |  | **C10** |
| **Thông**  **hiểu** | - Dựa vào sơ đồ (hoặc mô hình) nêu được thành phần hoá học và cấu trúc, tính chất của nước. |  |  |  |  |
| - Mô tả được quá trình trao đổi nước và các chất dinh dưỡng, lấy được ví dụ ở thực vật và động vật cụ thể. |  |  |  |  |
| - Dựa vào sơ đồ đơn giản mô tả được con đường hấp thụ, vận chuyển nước và khoáng của cây từ môi trường ngoài vào miền lông hút, vào rễ, lên thân cây và lá cây. | **1** |  | **C22** |  |
| - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây (dòng đi lên) và từ lá xuống các cơ quan trong mạch rây (dòng đi xuống). |  |  |  |  |
| - Trình bày được con đường trao đổi nước và nhu cầu sử dụng nước ở động vật (lấy ví dụ ở người). |  |  |  |  |
| - Dựa vào sơ đồ khái quát (hoặc mô hình, tranh ảnh, học liệu điện tử) mô tả được con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở động vật (đại diện ở người). |  |  |  |  |
| - Mô tả được quá trình vận chuyển các chất ở động vật (thông qua quan sát tranh, ảnh, mô hình, học liệu điện tử), lấy ví dụ cụ thể ở hai vòng tuần hoàn ở người. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Tiến hành được thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá. |  |  |  |  |
| - Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn (ví dụ giải thích việc tưới nước và bón phân hợp lí cho cây). | **1** |  | **C23** |  |
| **Vận dụng cao** | - Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở động vật vào thực tiễn (ví dụ về dinh dưỡng và vệ sinh ăn uống, ...). |  |  |  |  |
| **Nội dung 3**: Cảm ứng ở sinh vật | **Nhận biết** | - Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật. |  | **1** |  | **C11** |
| - Nêu được vai trò cảm ứng đối với sinh vật. |  |  |  |  |
| - Phát biểu được khái niệm tập tính ở động vật. |  |  |  |  |
| - Nêu được vai trò của tập tính đối với động vật. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Giải thích hiện tượng cảm ứng của sinh vật trong tự nhiên. |  | **1** |  | **C12** |
| - Giải thích tập tính của sinh vật trong tự nhiên. |  | **1** |  | **C13** |
| - Trình bày được cách làm thí nghiệm chứng minh tính cảm ứng ở thực vật (ví dụ hướng sáng, hướng nước, hướng tiếp xúc). |  | **1** |  | **C14** |
| **Vận dụng** | - Lấy được ví dụ về các hiện tượng cảm ứng ở sinh vật (ở thực vật và động vật). |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ minh hoạ về tập tính ở động vật. |  |  |  |  |
| - Vận dụng được các kiến thức cảm ứng vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ trong học tập, chăn nuôi, trồng trọt). |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Thực hành: quan sát, ghi chép và trình bày được kết quả quan sát một số tập tính của động vật. |  |  |  |  |
| **Nội dung 4:** Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật | **Nhận biết** | - Phát biểu được khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật. |  | **1** |  | **C15** |
| - Nêu được chức năng các loại mô phân sinh ở thực vật. |  | **1** |  | **C16** |
| **Thông hiểu** | - Nêu được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển. |  |  |  |  |
| - Chỉ ra được mô phân sinh trên sơ đồ cắt ngang thân cây Hai lá mầm và trình bày được chức năng của mô phân sinh làm cây lớn lên. |  |  |  |  |
| - Dựa vào hình vẽ vòng đời của một sinh vật (một ví dụ về thực vật và một ví dụ về động vật), trình bày được các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của sinh vật đó. |  |  |  |  |
| - Nêu được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của sinh vật (nhân tố nhiệt độ, ánh sáng, nước, dinh dưỡng). |  |  |  |  |
| - Trình bày được một số ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong thực tiễn (ví dụ điều hoà sinh trưởng và phát triển ở sinh vật bằng sử dụng chất kính thích hoặc điều khiển yếu tố môi trường). |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Tiến hành được thí nghiệm chứng minh cây có sự sinh trưởng. |  |  |  |  |
| - Thực hành quan sát và mô tả được sự sinh trưởng, phát triển ở một số thực vật, động vật. |  |  |  |  |
| - Vận dụng được những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển sinh vật giải thích một số hiện tượng thực tiễn (tiêu diệt muỗi ở giai đoạn ấu trùng, phòng trừ sâu bệnh, chăn nuôi). |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Giải thích được cơ chế bảo quản thực phẩm dựa vào đặc điểm sinh trưởng và phát triển của sinh vật. | **1** |  | **C24** |  |
| **Nội dung 5:** Sinh sản ở sinh vật | **Nhận biết** | - Phát biểu được khái niệm sinh sản ở sinh vật. |  |  |  |  |
| - Nêu được các hình thức sinh sản ở sinh vật. |  | **1** |  | **C17** |
| - Nêu được khái niệm sinh sản vô tính ở sinh vật. | **1** |  | **C25** |  |
| - Nêu được vai trò của sinh sản vô tính trong thực tiễn. |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm sinh sản hữu tính ở sinh vật. |  |  |  |  |
| - Nêu được vai trò của sinh sản hữu tính. |  |  |  |  |
| - Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản ở sinh vật |  |  |  |  |
| - Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến điều hoà, điều khiển sinh sản ở sinh vật. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Dựa vào hình ảnh hoặc mẫu vật, phân biệt được các hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật. Lấy được ví dụ minh hoạ. |  |  |  |  |
| - Dựa vào hình ảnh, phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. Lấy được ví dụ minh hoạ. |  |  |  |  |
| - Phân biệt được sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính. |  | 1 |  | C18 |
| - Dựa vào sơ đồ mô tả được quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật:  + Mô tả được các bộ phận của hoa lưỡng tính, phân biệt với hoa đơn tính.  + Mô tả được thụ phấn; thụ tinh và lớn lên của quả. |  | 1 |  | C19 |
| - Mô tả được khái quát quá trình sinh sản hữu tính ở động vật (lấy ví dụ ở động vật đẻ con và đẻ trứng). |  | 1 |  | C20 |
| **Vận dụng** | - Trình bày được các ứng dụng của sinh sản vô tính vào thực tiễn (nhân giống vô tính cây, nuôi cấy mô). |  |  |  |  |
| - Nêu được một số ứng dụng của sinh sản hữu tính trong thực tiễn. |  |  |  |  |
| - Giải thích được vì sao phải bảo vệ một số loài côn trùng thụ phấn cho cây. |  |  |  |  |
| **Vận dụng**  **cao** | - Vận dụng được những hiểu biết về sinh sản hữu tính trong thực tiễn đời sống và chăn nuôi (thụ phấn nhân tạo, điều khiển số con, giới tính). |  |  |  |  |
| - Dựa vào sơ đồ mối quan hệ giữa tế bào với cơ thể và môi trường (tế bào – cơ thể – môi trường và sơ đồ quan hệ giữa các hoạt động sống: trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng – sinh trưởng, phát triển – cảm ứng – sinh sản) chứng minh cơ thể sinh vật là một thể thống nhất. |  |  |  |  |

**ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Khoa học tự nhiên 7**

*(Thời gian làm bài: 90 phút)*

**Phần 1: Trắc nghiệm khách quan: (5 điểm).**

**Câu 1:**Nam châm điện có cấu tạo gồm:

A. Nam châm vĩnh cửu và lõi sắt non.

B. Cuộn dây dẫn và lõi sắt non.

C. Cuộn dây dẫn và nam châm vĩnh cửu.

D. Nam châm.

**Câu 2:** Từ trường tồn tại ở đâu?

A. Xung quanh điện tích đứng yên.

B. Xung quanh nam châm.

C. Xung quanh dây dẫn mang dòng điện

D. Cả B và C

**Câu 3:** Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng có vai trò quan trọng đối với:

A. sự chuyển hoá của sinh vật.

B. sự biến đổi các chất.

C. sự trao đổi năng lượng.

**D.** sự sổng của sinh vật.

**Câu 4:** Các yếu tố chủ yếu ngoài môi trường ảnh hưởng đến quang hợp là:

A. Nước, hàm lượng khí carbon dioxide, hàm lượng khí oxygen.

**B.** Nước, hàm lượng khí carbon dioxide, ánh sáng, nhiệt độ.

C. Nước, hàm lượng khí oxygen, ánh sáng.

D. Nước, hàm lượng khí oxygen, nhiệt độ.

**Câu 5:** Nam chân có thể hút vật nào dưới đây?

**A.** Nhựa. **B.** Đồng. **C.** Gỗ. **D.** Thép.

**Câu 6:** Sắp xếp các bước theo đúng thứ tự thực hiện sử dụng la bàn xác định hướng địa lí?

(1) Đọc giá trị của góc tạo bởi hướng cần xác định (hưởng trước mặt) so với hướng bắc trên mặt chia độ của la bàn để tìm hướng cần xác định.

(2) Đặt la bàn cách xa nam châm và các vật liệu có tính chất từ, để tránh tác động của các vật này lên kim la bàn.

(3) Giữ la bàn trong lòng bàn tay hoặc đặt trên một mặt bàn sao cho la bàn nằm ngang trước mặt. Sau đó xoay vỏ của la bàn sao cho đầu kim màu đỏ chỉ hướng Bắc trùng khít với vạch chữ N trên la bàn.

**A.** (1) – (2) – (3). **B.** (2) – (1) – (3).

**C.** (2) – (3) – (1). **D.** (1) – (3) – (2).

**Câu 7:** Phát biểu nào sau đây ***không đúng*** khi nói về vai trò của nước?

**A.** Nước tham gia vào quá trình chuyển hóa vật chất.

**B.** Nước là thành phần cấu trúc tế bào.

**C.** Nước cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống.

**D.** Nước giúp duy trì nhiệt độ bình thường của cơ thể.

**Câu 8:** Chất hữu cơ được vận chuyển ở thân chủ yếu

**A.** qua mạch rây theo chiều từ trên xuống. **B.** từ mạch gỗ sang mạch rây.

**C.** từ mạch rây sang mạch gỗ. **D.** qua mạch gỗ.

**Câu 9:** Cây lấy nước từ môi trường ngoài qua lông hút. Phần lớn lượng nước đó được thoát ra ngoài qua.

**A.** Thân vì vỏ của thân thường nứt nẻ.

**B.** Lá vì bề mặt của lá có lỗ khí.

**C.** Rễ vì rễ có lông hút.

**D.** Cả A và C

**Câu 10:** Nhu cầu của nước ở cây thấp nhất trong điều kiện thời tiết nào dưới đây?

**A.** Mùa hè, nhiệt độ cao, độ ẩm trung bình.

**B.** Mùa thu, nhiệt độ trung bình, độ ẩm trung bình.

**C.** Mùa đông, nhiệt độ thấp, độ ẩm thấp.

**D.** Mùa xuân, nhiệt độ trung bình, độ ẩm cao.

**Câu 11: *Cảm ứng ở sinh vật là phản ứng của sinh vật với các kích thích***

**A.** từ môi trường. **B.** từ môi trường ngoài cơ thể.

**C.** từ môi trường trong cơ thể. **D.** từ các sinh vật khác.

**Câu 12:** Khi nói về tính hướng động của ngọn cây thì phát biểu nào sau đây là đúng?

**A.** Ngọn cây có tính hướng đất âm, hướng sáng dương.

**B.** Ngọn cây có tính hướng đất dương, hướng sáng âm.

**C.** Ngọn cây có tính hướng đất âm, hướng sáng âm.

**D.** Ngọn cây có tính hướng đất dương, hướng sáng dương.

**Câu 13:** Ve sầu kêu vào mùa hè oi ả, ếch đực kêu vào mùa sinh sản là tập tính:

**A.** học được.         **B.** bẩm sinh.

C. hỗn hợp.         **D.** vừa bẩm sinh, vừa hỗn hợp.

**Câu 14:** Sắp xếp các bước tiến hành thí nghiệm chứng minh tính hướng sáng của cây.

****

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| a | b | c |

**Thí nghiệm chứng minh tính hướng sáng của cây**

Chuẩn bị: 2 chậu đất trổng cây giống nhau; 2 hộp carton không đáy, một hộp khoét lỗ phía trên, hộp còn lại khoét phía bên cạnh.

1. Úp lên mỗi chậu cây một hộp carton, đặt trong môi trường ánh sáng tự nhiên (Hình b).

2. Gieo hạt đỗ vào trong đất, tưới nước đủ ầm và đợi cho đến khi hạt nảy mầm (Hình a).

3. Sau khoảng từ 3 đến 5 ngày, nhấc hộp carton ra khỏi các chậu cây, quan sát hướng của thân cây (Hình c).

**A.** 1;2;3 **B.** 3;2;1 **C.** 2;1;3 **D.** 1;3;2

**Câu 15:** Sinh trưởng ở sinh vật là:

**A.** quá trình tăng lên kích thước cơ thể do tăng lên về kích thước và số lượng tế bào.

**B.** quá trình tăng lên kích thước cơ thể do tăng lên về kích thước và số lượng mô.

**C.** quá trình tăng lên kích thước cơ thể do tăng lên về kích thước và số lượng tế bào và mô.

**D.** quá trình tăng lên kích thước cơ thể do tăng lên về kích thước và phân hóa tế bào.

**Câu 16:** Mô phân sinh bên có chức năng gì?

**A.** Giúp thân, cành, rễ tăng trưởng về chiều dài. **B.** Giúp thân, cành, rễ tăng trưởng về chiều ngang.

**C.** Giúp lá dài. **D.** Giúp rễ dài ra.

**Câu 17:** Sinh sản vô tính là hình thức sinh sản:

**A.** Cần 2 cá thể.

**B.** Không có sự hợp nhất giữa giao tử đực và giao tử cái

**C.** Có sự hợp nhất giữa giao tử đực và giao tử cái.

**D.** Chỉ cần giao tử cái

**Câu 18:** Sinh sản vô tính không tạo thành:

**A.** Cây con. **B.** Giao tử. **C.** Bào tử. **D.** Hợp tử.

**Câu 19:** Trong một bông hoa đơn tính không thể xuất hiện đồng thời hai bộ phận nào sau đây?

**A.** Nhị và nhụy.  **B.** Đài và tràng.

**C.** Đài và nhụy. **D.** Nhị và tràng.

**Câu 20:** Quá trình sinh sản hữu tính ở động vật diễn ra lần lượt theo các giai đoạn nào?

**A.** Hình thành phôi→Thụ tinh →Phát triển giao tử.

**B.** Hình thành hạt phấn → Thụ phấn →Phát triển cơ thể.

**C.** Hình thành giao tử →Thụ phấn → Phát triển phôi.

**D.** Hình thành giao tử → Thụ tinh → Phát triển phôi.

**Phần 2: Tự luận: (5điểm)**

**Câu 21 (1 điểm):** Kể tên các loại cây cảnh trồng trong nhà mà vẫn tươi tốt? Em hãy giải thích cơ sở khoa học của hiện tượng đó. Nêu ý nghĩa của việc để cây xanh trong phòng khách?

**Câu 22 (1 điểm):** Mô tả con đường sự hấp thụ nước và chất khoáng từ môi trường ngoài vào mạch gỗ của rễ?

**Câu 23 (1 điểm):** Vì sao khi di chuyển cây đi trồng ở nơi khác, người ta thường cắt bớt một phần cành, lá?

**Câu 24 (1 điểm):** Các loại củ và hạt sau: ngô, lúa, đậu đen, sắn, khoai tây, khoai lang có thể được bảo quản bằng những cách nào? Cơ chế của những biện pháp bảo quản này là gì?

**Câu 25 (1 điểm):** Thế nào là sinh sản vô tính? Nêu các ưu thế (vai trò) của sinh sản vô tính?

Hết.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Khoa học tự nhiên 7**

**Phần 1: Trắc nghiệm khách quan: (5 điểm)**

(Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.B** | **2.D** | **3.D** | **4.B** | **5.D** | **6.C** | **7.C** | **8.A** | **9.B** | **10.D** |
| **11.A** | **12.A** | **13.B** | **14.C** | **15.A** | **16.B** | **17.B** | **18.D** | **19.A** | **20.D** |

**Phần 2: Tự luận: (5 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 21. (1,0 đ)** | - Nhiều loại cây cảnh được trồng để trong nhà như: cây lan ý, cây lưỡi hổ, cây vạn niên thanh, cây kim tiền, ... Những cây này là cây ưa bóng, vì thế nếu trồng trong nhà, ánh sáng yếu vẫn đủ cho lá cây quang hợp, cung cấp chất hữu cơ cho cây nên cây vẫn tươi tốt.  - Ý nghĩa của việc trồng cây xanh trong phòng khách:  + Cây xanh có khả năng hấp thụ một số khí độc và hấp thụ các bức xạ phát ra từ những thiết bị điện tử,… Đồng thời, nhờ quang hợp, cây xanh tạo ra oxygen. Do đó, trồng cây xanh trong nhà giúp tạo ra không khí trong lành, bảo vệ sức khỏe hô hấp cho mọi người.  + Trồng cây xanh trong nhà còn giúp con người giảm bớt căng thẳng. | **0,5**  **0,5** |
| **Câu 22.**  **(1,0 đ)** | - Nước và muối khoáng được thực vật hấp thụ chủ yếu qua tế bào lông hút.  - Nước và muối khoáng từ tế bào lông hút vào mạch gỗ của rễ theo 2 con đường:  + Con đường gian bào: nước và muối khoáng từ tế bào lông hút đi qua khoảng không gian giữa  các tế bào vào trong mạch gỗ của rễ.  + Con đường tế bào chất: Nước và muối khoáng từ tế bào lông hút đi xuyên qua tế bào chất của  các tế bào vào trong mạch gỗ của rễ. | **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25** |
| **Câu 23.**  **(1,0 đ)** | - Vì tỉa bớt cành lá giúp cây hạn chế được sự thoát hơi nước, tránh cây mất nước trong quá trình di chuyển và thích nghi với chỗ trồng mới. | **1** |
| **Câu 24. (1,0 đ)** | - Ngô, lúa, đậu đen: phơi khô kiệt, tránh ẩm ướt.  - Khoai tây, khoai lang, sắn: bảo quản ở kho có nhiệt độ thấp, tránh ánh sáng.  - Cơ chế: kéo dài thời gian ngủ nghỉ bằng cách giảm độ ẩm, giảm nhiệt độ (là những điều kiện cần thiết cho sự nảy mầm.) | **0,25**  **0,25**  **0,5** |
| **Câu 25. (1,0 đ)** | ***\* Khái niệm:*** Sinh sản vô tính là hình thức sinh sản không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng, con sinh ra giống nhua và giống y hệt mẹ.  ***\* Ưu thế (vai trò):***  - Rút ngắn thời gian và nhân nhanh giống cây trồng.  - Bảo tồn được các giống cây trồng có đặc tính tốt, các giống cây quý. | **0,5**  **0,25**  **0,25** |